

Số: /NQ-HĐND

Hưng Yên, ngày tháng năm 2026

Dự thảo

NGHỊ QUYẾT

**Quy định số lượng nhân viên y tế thôn, tổ dân phố; mức hỗ trợ
hàng tháng đối với nhân viên y tế thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hưng Yên**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QĐ15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phòng bệnh số 114/2025/QH15;

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15;

Căn cứ Nghị định số 192/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định một số chế độ phụ cấp đặc thù trong lĩnh vực y tế; hỗ trợ hàng tháng đối với nhân viên y tế thôn, tổ dân phố và cô đỡ thôn, bản;

Căn cứ Nghị định số 185/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định số lượng nhân viên y tế thôn, tổ dân phố; mức hỗ trợ hàng tháng đối với nhân viên y tế thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; Báo cáo thẩm tra số /BC-BVHXH ngày tháng năm 2026 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định số lượng nhân viên y tế thôn, tổ dân phố; mức hỗ trợ hàng tháng đối với nhân viên y tế thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định số lượng nhân viên y tế thôn, tổ dân phố; mức hỗ trợ hàng tháng đối với nhân viên y tế thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

2. Đối tượng áp dụng

a) Nhân viên y tế thôn, tổ dân phố.

b) Trạm y tế xã, phường (sau đây gọi chung là trạm y tế cấp xã).

c) Ủy ban nhân dân cấp xã; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 2. Số lượng nhân viên y tế thôn, tổ dân phố được bố trí và mức hỗ trợ hằng tháng đối với nhân viên y tế thôn, tổ dân phố

1. Số lượng nhân viên y tế thôn, tổ dân phố được bố trí

a) Thôn có dưới 1.000 hộ gia đình và tổ dân phố có dưới 1.500 hộ gia đình được bố trí 01 nhân viên y tế thôn, tổ dân phố.

b) Thôn có từ 1.000 hộ gia đình trở lên và tổ dân phố có từ 1.500 hộ gia đình trở lên được bố trí 02 nhân viên y tế thôn, tổ dân phố.

Việc bố trí nhân viên y tế thôn, tổ dân phố do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Trạm Y tế cấp xã, bảo đảm người được bố trí đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật.

2. Mức hỗ trợ hằng tháng

Nhân viên y tế thôn, tổ dân phố trong thời gian công tác được hưởng mức hỗ trợ hằng tháng từ ngân sách nhà nước.

a) Đối với thôn, tổ dân phố được bố trí 01 nhân viên y tế thôn, tổ dân phố theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, mức hỗ trợ hằng tháng đối với nhân viên được quy định như sau:

Bằng 0,5 lần mức lương cơ sở đối với nhân viên y tế thôn, tổ dân phố công tác tại thôn có dưới 700 hộ gia đình hoặc tổ dân phố có dưới 1.000 hộ gia đình.

Bằng 0,7 lần mức lương cơ sở đối với nhân viên y tế thôn, tổ dân phố công tác tại thôn có từ 700 hộ gia đình đến dưới 1.000 hộ gia đình hoặc tổ dân phố có từ 1.000 hộ gia đình đến dưới 1.500 hộ gia đình.

b) Đối với thôn, tổ dân phố được bố trí 02 nhân viên y tế thôn, tổ dân phố theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, mức hỗ trợ hằng tháng đối với mỗi nhân viên được quy định như sau:

Bằng 0,5 lần mức lương cơ sở đối với nhân viên y tế thôn, tổ dân phố công tác tại thôn có từ 1.000 hộ gia đình đến dưới 1.400 hộ gia đình hoặc tổ dân phố có từ 1.500 hộ gia đình đến dưới 2.000 hộ gia đình.

Bằng 0,7 lần mức lương cơ sở đối với nhân viên y tế thôn, tổ dân phố công tác tại thôn có từ 1.400 hộ gia đình trở lên, tổ dân phố có từ 2.000 hộ gia đình trở lên hoặc thôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã trọng điểm về quốc phòng theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

3. Điều chỉnh mức hỗ trợ

Mức hỗ trợ quy định tại khoản 2 Điều này được điều chỉnh tương ứng khi Nhà nước điều chỉnh mức lương cơ sở theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí chi trả hỗ trợ hằng tháng do ngân sách địa phương đảm bảo theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai và hướng dẫn thực hiện Nghị quyết này đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm

2. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu làm căn cứ và áp dụng trong Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì thực hiện theo quy định tại các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên khóa XVIII Kỳ họp thứ.....thông qua ngày ...tháng.....năm...../.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội;
- Các Bộ: Nội vụ (Vụ Pháp Chế); Tài chính (Vụ Pháp chế); Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật);
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Sở Tư pháp (Cơ sở dữ liệu Quốc gia về pháp luật);
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực XI;
- Kho bạc Nhà nước khu vực IV;
- Đảng ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các xã, phường;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh Hưng Yên;
- Cổng thông tin điện tử Đại biểu nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Báo và Phát thanh truyền hình Hưng Yên;
- Lưu: VT, CV.

CHỦ TỊCH

Trần Quốc Văn